

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/DS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2019

“V/v yêu cầu tuyên bố hợp
đồng thế chấp tài sản vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Các thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Hải Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1944. Vắng mặt

Trú tại: xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lê Trung H, sinh năm 1977. Có mặt

Trú tại: Khối T, phường H, thành phố V, Nghệ An

Là đại diện theo ủy quyền của bà L theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2018.

- Bị đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C

Địa chỉ: số 108, T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh Ph – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C – chi nhánh thành phố V. Có mặt

Địa chỉ: 231, L, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Theo Văn bản ủy quyền số 210/UQ-HĐQT-NHCT 18 ngày 18/3/2015 của Ngân hàng TMCP C

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Vương Đình T, sinh năm 1939. Có mặt

Trú tại: xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An

+ Anh Nguyễn Trung K. Vắng mặt

Trú tại: số 10, T, Khối Y, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

+ Phòng công chứng N

Địa chỉ: số 56, N, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Cảnh T – Trưởng phòng

+ Bà Đào Thị V, sinh năm – cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP C chi nhánh thành phố V

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn là bà Dương Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 24/3/2011, anh Nguyễn Trung K và Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD, vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 24/3/2011 đến ngày 24/12/2011. Lãi suất cho vay trong hạn và phạt vi phạm thời hạn thanh toán được quy định cụ thể trong hợp đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Vương Đình T và bà Dương Thị L có diện tích 2180,17m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 24, tại xóm P, xã H, thành phố V. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 230758 vào ngày 24/10/2005 mang tên ông Vương Đình T và bà Dương Thị L. Việc thế chấp tài sản được ký kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 23/3/2011 giữa bên thế chấp là ông Vương Đình T, bà Dương Thị L và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B.

Theo nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: năm 2012, khi Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B, Nghệ An đến làm việc với gia đình bà, yêu cầu bà L, ông T bàn giao thửa đất (là tài sản thế chấp) để phát mại bán lấy

tiền trả nợ ngân hàng thì bà L mới biết vào năm 2011 chồng bà là ông T đã cho bà Th (anh em con cô cậu ruột của ông T) mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp bảo đảm cho khoản vay 700.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B cho một người có tên là Nguyễn Trung K. Việc thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại UBND thành phố V ngày 23/3/2011.

Việc Ngân hàng cho anh Nguyễn Trung K vay tiền và lấy quyền sử dụng đất của vợ chồng bà L làm tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là không hợp pháp, vì quyền sử dụng đất diện tích 2180,17m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 24, tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng bà L. Ông T (chồng bà L) một mình ký vào hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay cho anh K là không đúng, bà không chấp nhận. Bà Dương Thị L không hề biết việc vay mượn tiền và cũng chưa bao giờ điếm chỉ, ký vào bất cứ văn bản nào thể hiện việc thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng bà L. Do đó, Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 23/3/2011 giữa bên thế chấp là ông Vương Đình T, bà Dương Thị L; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B; bên vay vốn là anh Nguyễn Trung K là hợp đồng giả tạo vì bà L không điếm chỉ và do bà không biết chữ nên bà không ký vào hợp đồng.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 23/3/2011 giữa bên thế chấp là ông Vương Đình T, bà Dương Thị L; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B. Buộc Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 230758 vào ngày 24/10/2005 mang tên ông Vương Đình T và bà Dương Thị L mà ngân hàng đang giữ cho gia đình bà L.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: anh Nguyễn Trung K và Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD ngày 24/3/2011, số tiền vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 24/3/2011. Đảm bảo cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Vương Đình T, bà Dương Thị L tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 23/3/2011 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B và ông Vương Đình T, bà Dương Thị L.

Bà Dương Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp số I vô hiệu và buộc Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà, Ngân hàng không đồng ý: việc thế chấp đã được lập thành văn bản, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thế chấp tài sản, chủ tài sản đồng ý thế chấp được công chứng

tại Phòng công chứng N; được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND thành phố V. Bà Dương Thị L cho rằng bà không điểm chỉ và không ký vì bà không biết chữ là không có cơ sở. Việc ký kết hợp đồng thế chấp nói trên được thực hiện tại Phòng công chứng N với sự có mặt đầy đủ của bên thế chấp ông T, bà L; bên vay vốn (anh K) và đại diện Ngân hàng. Các bên có mặt đều được ký và điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp. Vì vậy, Ngân hàng khẳng định đó là chữ viết và dấu vân tay của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vương Đình T trình bày:

Vào khoảng tháng 3 năm 2011, ông có cho bà Dương Thị Th (gọi bằng em con cô cậu ruột) mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2180,17m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 24, tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng ông, để bà Th thế chấp vay tiền ngân hàng sau 03 tháng sẽ trả lại (việc ông cho bà Th mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L không biết). Sau đó, bà Th đưa hồ sơ, giấy tờ gì đó đến nhà ông nói ông ký vào thì ông có ký, ông không đọc nên không biết nội dung gì trong đó và bà Th nói với ông là khi nào vay tiền ở Ngân hàng mới gọi bà L đến ký giấy tờ nên ông không hề biết có xảy ra việc vay mượn.

Sau đó ông đã đến Ngân hàng ký các giấy tờ theo yêu cầu của cán bộ Ngân hàng. Do tin tưởng bà Th nên ông đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản nhưng ông không biết ông thế chấp đảm bảo cho ai vay, sau này ông mới biết là ông thế chấp tài sản đảm bảo cho anh Nguyễn Trung K, ông không biết anh K là ai.

Chỉ một mình ông ký vào hợp đồng thế chấp, bà L không biết, không ký, điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp. Việc ai điểm chỉ và ký chữ ký bà Dương Thị L thì ông không biết. Chính vì vậy, chữ ký và điểm chỉ của bà L tại hợp đồng thế chấp là giả mạo.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu, ông hoàn toàn đồng ý, vì vợ chồng ông không vay Ngân hàng, không lấy tiền từ ngân hàng và bà L không ký, điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trung K vắng mặt nhưng theo tài liệu có trong hồ sơ thì anh K trình bày: Giữa anh và ông Vương Đình T, bà Dương Thị L không quen biết nhau nhưng anh quen biết bà Dương Thị Th là anh em, bà con với ông Vương Đình T. Về mặt pháp lý, ngày 24/3/2011 anh có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP C chi nhánh B vay số tiền 700.000.000 đồng để kinh doanh ô tô cũ. Lãi suất và tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay đúng như Ngân hàng trình bày. Đến nay anh chưa thanh toán được số tiền vay nào cho Ngân hàng.

Nay bà Dương Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 23/3/2011 vô hiệu do bà L không ký, điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp tài sản là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xác minh chữ ký, dấu vân tay của bà Dương Thị L trên hợp đồng thế chấp số 01 ngày 23/3/2011 và các văn bản liên quan đến việc thế chấp tài sản giữa ông Vương Đình T, bà Dương Thị L và Ngân hàng TMCP C chi nhánh B.

Khi thực hiện việc ký kết hợp đồng thế chấp đều có mặt đầy đủ các bên là đại diện ngân hàng, ông T và một người đàn bà mà ông T nói đó là vợ ông T và anh K. Ông T và người đàn bà đi cùng đều ký vào hợp đồng còn người đó thực tế có phải là ông T hay không thì anh không biết. Nếu người mà ông T đưa đến giới thiệu là vợ (bà L) nhưng thực tế không phải là bà L thì đề nghị làm rõ hành vi gian dối của ông T.

Đại diện theo pháp luật của Phòng công chứng số N – ông Nguyễn Cảnh T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu là công chứng viên thuộc Phòng công chứng N cho biết: vào ngày 24/3/2011 tại Phòng công chứng N, bà là người trực tiếp thực hiện việc công chứng Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 23/3/2011 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B; bên vay vốn là anh Nguyễn Trung K và bên thế chấp là ông Vương Đình T, bà Dương Thị L. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa số 81 diện tích 2180,17m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 24, tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An mang tên ông Vương Đình T, bà Dương Thị L để thế chấp đảm bảo cho khoản vay 700.000.000 đồng của anh Nguyễn Trung K. Khi ký kết hợp đồng thế chấp đều có mặt các bên gồm đại diện Ngân hàng, anh K, ông T và bà L. Sự việc xảy ra đã lâu nhưng bà khẳng định khi thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp tại Phòng công chứng N thì bà đều kiểm tra chứng minh nhân dân của mỗi người và đối chiếu với người có mặt. Chỉ sau khi kiểm tra, đối chiếu đúng bà mới thực hiện công chứng, đồng thời Phòng công chứng luôn photo chứng minh nhân dân của mỗi người để lưu lại hồ sơ thế chấp tại Phòng công chứng. Bà khẳng định không bao giờ có việc không có người có tên trong hợp đồng mà bà cho người khác ký thay và không bao giờ cho các bên ký hợp đồng thế chấp ngoài trụ sở văn phòng. Việc bà L khẳng định bà L không ký, không điểm chỉ và không biết gì về việc thế chấp tài sản là không có cơ sở. Vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 12 Điều 25; điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 127, 343, 344, 350, 715, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 23/3/2011 giữa bên thế chấp là bà Dương Thị L, ông Vương Đình T; bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần C – chi nhánh B (nay là chi nhánh thành phố V); bên vay vốn là ông Nguyễn Trung K là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L về buộc Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B (nay là chi nhánh thành phố V) trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE230753 do UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/9/2006 cho ông Vương Đình T – bà Dương Thị L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2018, Nguyên đơn là bà Dương Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm để tuyên Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 23/3/2011 vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị L đề nghị hoãn phiên tòa để trưng cầu giám định dấu vân tay của bà L tại Hợp đồng thế chấp số 01 là ngón tay trỏ trái hay ngón tay trỏ phải của bà L. Nếu không tạm ngừng phiên tòa thì đề nghị giải quyết như nội dung trong đơn kháng cáo của bà L, tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C chi nhánh B; Đại diện theo pháp luật của Phòng công chứng N Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa mà đề nghị tiếp tục xét xử vụ án, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà L, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Đình T thống nhất với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa đề nghị tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định dấu vân tay của bà L trong Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 23/3/2011.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Dương Thị L kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo đầy đủ nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa về việc đề nghị hoãn phiên tòa, tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định dấu vân tay của bà L có trong Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 23/3/2011 là dấu vân tay của ngón trỏ trái hay ngón trỏ phải của bà L nhằm xác định bà L có mặt tại Phòng công chứng số N hay không.

Xét thấy, tại Kết luận giám định số 34/GĐKTHTS-P11 ngày 24/01/2018 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ quốc phòng (Bút lục số 179) đã kết luận: “Dấu vân tay ghi tên bà Dương Thị L dưới mục “đại diện BÊN B” in tại trang 7 trong hợp đồng thế chấp tài sản số 01, ngày 23/3/2011 không rõ đặc điểm chung, các đặc điểm riêng mờ, nhòe, không đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất”.

Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa, tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định như ý kiến đề nghị của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa Ngân hàng TMCP C và ông Nguyễn Trung K đã ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/2011/HĐTD ngày 24/3/2011. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân, ông Nguyễn Trung K đã nhận đủ số tiền vay 700.000.000 đ (bảy trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 24/3/2011.

Để đảm bảo khoản vay này của ông Nguyễn Trung K, ông Vương Đình T và bà Dương Thị L đã thế chấp nhà và đất của ông T, bà L tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 24, diện tích 1081, 67m² cho Ngân hàng TMCP C theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 23/3/2011.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Dương Thị L về yêu cầu tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 23/3/2011 được lập dưới hình thức văn bản, đáp ứng đầy đủ các điều kiện, trình tự của pháp luật về thế chấp tài sản; được công chứng tại phòng Công chứng số N; được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND thành phố V tỉnh Nghệ An. Chủ tài sản ông Vương Đình T thừa nhận đã tự nguyện thế chấp tài sản.

Bà L kháng cáo yêu cầu tuyên hợp đồng thế chấp nói trên vô hiệu với lý do trong hợp đồng thế chấp số 01 có nhiều chữ ký, chữ viết và dấu vân tay không phải của bà. Tuy nhiên kết quả giám định tại Viện khoa học hình sự - Bộ công an và Phòng kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc Phòng đều kết luận dấu vân tay bị mờ, nhòe không rõ đặc điểm. Ông Vương Đình T (Chồng của bà L) thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tại Hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm và biên bản thẩm định tài sản là của ông. Việc ký kết Hợp đồng thế chấp số 01 được thực hiện tại Phòng công chứng N. Không có tài liệu nào khẳng định chữ ký, dấu vân tay điểm chỉ ở mục bên thế chấp trong hợp đồng thế chấp số 01 không phải là của bà Dương Thị L. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Thu – Công chứng viên trực tiếp công chứng văn bản này và cán bộ Ngân hàng phụ trách việc thẩm định tài sản và làm hồ sơ vay vốn, thế chấp, những người trực tiếp có mặt tại buổi ký hợp đồng thế chấp tại Phòng công chứng đều khẳng định đã kiểm tra kỹ giấy tờ tùy thân và đối chiếu với những người liên quan có mặt. Lời trình bày của bên vay vốn (ông Nguyễn Trung K), công chứng viên (bà Nguyễn Thị T) và cán bộ Ngân hàng (bà Nguyễn Thị V) hoàn toàn phù hợp với nhau về việc các bên đều đã ký vào hợp đồng thế chấp số 01 tại Phòng công chứng N.

Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chữ ký, chữ viết của bà Dương Thị L tại UBND xã H, Công an xã H, Công an thành phố V, Công an tỉnh Nghệ An, nhưng chỉ Công an tỉnh Nghệ An lưu giữ “Tờ khai chứng minh nhân dân” năm 1978 của bà Dương Thị L. Tại tờ khai ghi rõ trình độ văn hóa của bà L 3/10 và có chữ ký của bà L, tuy nhiên bà L không thừa nhận chữ ký và chữ viết của bà L tại tờ khai. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu Công an tỉnh Nghệ An trả lời nội dung này nhưng Công an tỉnh Nghệ An cũng không khẳng định chữ ký, chữ viết tại tờ khai của bà L.

Trong giai đoạn cấp phúc thẩm bà Dương Thị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trong hợp đồng

thể chấp số 01 không phải của bà nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Dương Thị L về việc yêu cầu tuyên hợp đồng thể chấp vô hiệu

[4] Về chi phí giám định:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vương Đình T trình bày: trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án, ông có nộp tiền tạm ứng chi phí giám định cho Tòa án sơ thẩm hai lần, lần 1 ông nộp 10.000.000 đồng có ghi giấy biên nhận nhưng hiện nay ông không còn lưu giữ giấy biên nhận này; lần 2 ông nộp số tiền 3.000.000 đồng nhưng không có hóa đơn, giấy tờ gì. Tuy nhiên, ông không yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết về nội dung này.

Xét, việc Tòa án cấp sơ thẩm không có tài liệu phản ánh khoản thu, chi tiền tạm ứng chi phí giám định, không giải quyết về nghĩa vụ chịu chi phí giám định trong bản án sơ thẩm là thiếu sót. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo về nội dung này, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vương Đình T và đại diện theo ủy quyền của bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí giám định; mặt khác, tại phiên tòa giữa đại diện của Ngân hàng TMCP C và ông Vương Đình T thỏa thuận Ngân hàng hỗ trợ về chi phí giám định cho ông T số tiền 5.000.000 đồng, số tiền mà ông T đã chi phí cho việc giám định ông T chịu hoàn toàn trách nhiệm. Xét đây là thỏa thuận giữa các bên, không trái quy định pháp luật nên Tòa án chấp nhận thỏa thuận này; các bên không có yêu cầu gì khác nên tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định được xem như đã giải quyết xong.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do nguyên đơn - bà Dương Thị L, sinh năm 1944 là người cao tuổi nên bà L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – bà Dương Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 12 Điều 25; điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 127, 343, 344, 350, 715, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 23/3/2011 giữa bên thế chấp là bà Dương Thị L, ông Vương Đình T; bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần C – chi nhánh B (nay là chi nhánh thành phố V); bên vay vốn là ông Nguyễn Trung K là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L về việc buộc Ngân hàng TMCP C – chi nhánh B (nay là chi nhánh thành phố V) trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE230753 do UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/9/2006 cho ông Vương Đình T – bà Dương Thị L.

- Chấp nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP C và ông Vương Đình T về việc Ngân hàng TMCP C hỗ trợ tiền chi phí giám định cho ông T với số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng). Ông Vương Đình T được nhận số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) do Ngân hàng giao.

*Về Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi:

+ Án phí sơ thẩm: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị L. Trả lại tiền tạm ứng án phí 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) cho bà L theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003210 ngày 29/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh.

+Án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà Dương Thị L số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006171 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND, TAND, Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phôn